

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24- 25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	21157073	Lê Minh Như Ngọc	12	12	8,19	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	19.380.600		19.380.600		Sinh học
2	21157084	Nguyễn Đình Quang	18	17	8,48	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	32.266.080		32.266.080		Sinh học
3	21187126	Hồ Hồng Ngọc	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.994.720		23.994.720	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNSH
4	21187159	Nguyễn Văn Tân	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.994.720		23.994.720	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNSH
5	21187214	Phạm Huỳnh Khoa Điềm	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.994.720		23.994.720	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNSH
6	21187269	Nguyễn Ngọc Thuận	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.994.720		23.994.720		CNSH
7	21187271	Nguyễn Huỳnh Cát Tiên	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.994.720		23.994.720	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNSH
8	22157042	Nguyễn Hoàng Phúc	12	9	8,89	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.020.380		14.020.380		Sinh học
9	22157045	Võ Duy Tel	12	12	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.047.200		23.047.200		Sinh học
10	22157070	Nguyễn Nhật Hàn	11	11	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	14.878.380		14.878.380		Sinh học
11	22187039	Võ Thiên Hào	12	8	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	11.576.400		11.576.400		CNSH
12	22187042	Nguyễn Phi Hùng	16	16	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.188.100		22.188.100		CNSH
13	22187048	Nguyễn Thị Lan Khanh	22	12	9,42	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.470.500		14.470.500	Không tính học phí học phần điểm P	CNSH
14	22187058	Phạm Thái Kiệt	11	11	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.049.320		15.049.320		CNSH
15	22187063	Đinh Thị Ánh Linh	11	11	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.102.160		14.102.160		CNSH
16	22187091	Lương Nguyễn Ngọc Phước	10	10	9,57	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	12.541.100		12.541.100		CNSH
17	22187102	Nguyễn Văn Sơn	10	10	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.681.200		13.681.200		CNSH
18	22187143	Nguyễn Ngọc Hồng Nhi	14	14	9,22	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.399.900		16.399.900		CNSH

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24- 25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
19	22187147	Nguyễn Trường Sơn	10	10	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	12.541.100		12.541.100		CNSH
20	22187151	Trần Thái Tú	12	12	9,14	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.470.500		14.470.500		CNSH
21	23157011	Lê Vĩnh Phát	11	11	8,62	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.795.600		15.795.600		Sinh học
22	23157022	Bùi Như Ý	14	14	8,64	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.408.420		21.408.420		Sinh học
23	23157084	Nguyễn Mai Uyên	12	12	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.832.240		20.832.240		Sinh học
24	23187005	Lê Gia Cát	11	11	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.029.660		18.029.660		CNSH
25	23187026	Trần Gia Bảo	10	10	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	14.556.740		14.556.740		CNSH
26	23187085	Nguyễn Thế Phong	13	13	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.773.520		21.773.520		CNSH
27	23187134	Vũ Như Nam Phương	16	13	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	19.959.060		19.959.060		CNSH
28	23187136	Huỳnh Phan Như Ý	16	13	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.959.060		19.959.060		CNSH
29	23187138	Lê Đăng Khoa	13	10	9,26	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.959.060		19.959.060		CNSH
30	24157046	Nguyễn Bảo Long	15	15	8,37	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.911.640		18.911.640		Sinh học
31	24157056	Nguyễn Ngọc Hải Phong	15	15	8,4	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.911.640		18.911.640		Sinh học
32	24157066	Nguyễn Trần Hồng Ân	15	15	8,23	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.911.640		18.911.640		Sinh học
33	24187001	Huỳnh Uyên Giang	15	13	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.721.120	12.950.700	7.770.420	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	CNSH
34	24187002	Nguyễn Phạm Thuý Linh	15	15	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.721.120		20.721.120		CNSH
35	24187004	Phạm Thị Phương Anh	15	15	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	18.994.360		18.994.360		CNSH
36	24187008	Bùi Lâm Trúc Đào	15	15	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	18.994.360		18.994.360		CNSH
37	24187027	Đỗ Văn Phát	18	18	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.888.460		21.888.460		CNSH
38	24187032	Nguyễn Phương Thảo	15	15	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.994.360		18.994.360		CNSH
39	24187094	Nguyễn Đào Đức Anh	17	17	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.888.460		21.888.460		CNSH